

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THÁI HÒA
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/DSST - DS

Ngày: 26/11/2018

V/v “tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HÒA – NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Khắc Đức

2. Ông Nguyễn Văn Quế

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ an tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Thạch – Kiểm sát viên.

Ngày 26/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2018/TLST-DS ngày 23/7/2018 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-DS ngày 15/10/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH một thành viên A

Địa chỉ trụ sở: Khu công nghiệp N, khu kinh tế Đ. Xã P, huyện L, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Trung L – Chức vụ: Chủ tịch công ty (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Bá C – Sinh năm: 1973

Nghề nghiệp: Luật sư

Trú tại: bến V, phường C, quận 4, Tp.Hồ Chí Minh (Có mặt)

Văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 05 năm 2018

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960

Nghề nghiệp: Lao động tự do

Trú tại: Xóm Đ, xã N, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/5/2018, quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Bá C là người đại diện theo ủy quyền cho Công ty TNHH một thành viên A trình bày:

Ngày 21/7/2017 giữa công ty A và bà Nguyễn Thị H có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa số: FE010371-ANA/ANCO/NSH2/2017, theo thỏa thuận trong hợp đồng này thì Công ty A bán cho bà H các mặt hàng thức ăn chăn nuôi do công ty A sản xuất, việc mua bán theo hình thức công ty A giao số lượng và chủng loại thức ăn chăn nuôi theo từng lần đơn hàng đề nghị của phía bà H, bà H có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ giá trị từng đơn hàng kể từ ngày nhận hàng dựa trên hóa đơn xuất hàng của công ty A. Nhưng phía bà H đã không thực hiện đúng cam kết trong việc thanh toán, vì thế công ty A đã ngưng cung cấp hàng. Hai bên đã tiến hành làm việc để đối chiếu và xác nhận công nợ cụ thể:

- Theo thông báo công nợ lập ngày 30/8/2017 có xác nhận của bà H thì tính đến ngày 08/08/2017 phía bà H còn nợ công ty A số tiền nợ mua hàng và tiền lãi do chậm thanh toán là 403.466.519đ (Bốn trăm linh ba triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm mười chín đồng).

- Tính đến ngày 28/2/2018 phía bà H còn nợ tổng số tiền mua hàng hóa và tiền lãi chậm thanh toán là 464.268.042đ. Căn cứ thỏa thuận trong hợp đồng thì phía bà H được hưởng số tiền chiết khấu hoa hồng là 6.806.000đ. Vậy tổng số nợ bà H tính cho đến ngày 28/2/2018 là: 464.268.042đ – 6.806.000đ = 457.462.042đ (bốn trăm năm bảy triệu, bốn trăm sáu mươi hai nghìn, không trăm bốn mươi hai đồng). Trong đó nợ gốc là 403.466.519đ nợ lãi là 53.995.523đ.

Công ty A đã nhiều lần liên hệ và trực tiếp đề yêu cầu bà H trả nợ nhưng bà H cố tình trốn tránh không chịu trả. Ngày 16/04/2018 Công ty A đã gửi thông báo nợ cho bà H lần cuối cùng qua đường bưu điện, bà H đã nhận được nhưng vẫn không chịu trả nợ cho Công ty, vì vậy Công ty A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H thanh toán cho công ty số tiền nợ là 457.462.042đ (Bốn trăm năm mươi bảy triệu, bốn trăm sáu mươi hai nghìn, không trăm bốn mươi hai đồng). Tiền lãi do chậm thanh toán trên số nợ gốc theo quy định với mức lãi suất 20%/năm thời gian tính lãi kể từ ngày khởi kiện 26/5/2018 cho đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án.

Tại phiên tòa ông Phạm Bá C là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ý kiến xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu bà H phải thanh toán hợp đồng mua bán cho Công ty A với số tiền nợ gốc là 403.466.519đ và tiền là 15%/năm theo như Phụ lục 01- Hạn mức tín dụng mà bà H đã ký kết, kể từ ngày làm đơn khởi kiện 26/05/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/11/2018 là 30.259.989đ, tổng cộng cả gốc và lãi là 433.726.508đ (bốn trăm ba mươi ba triệu, bảy trăm hai sáu nghìn, năm trăm linh tám đồng). Không đồng ý với ý kiến của bà H tại phiên tòa về việc xin Công ty được trả nợ gốc trong vòng hai năm và không trả lãi.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2018 (bản gốc); 01 thông báo công nợ (bản sao chứng thực); 08 hóa đơn giá trị gia tăng; 08 phiếu cân (bản sao có đóng dấu y sao của công ty); 01 hợp đồng mua bán hàng hóa; 01 phụ lục hợp đồng mua bán hàng hóa, 01 phụ lục hợp đồng chính sách bán hàng trại heo trực tiếp; 01 giấy chứng nhận đầu tư; 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; (tất cả đều là bản phô tô chứng thực) giấy ủy quyền (bản gốc); 02 phiếu báo phát gửi bà Nguyễn Thị H (bản gốc); biên lai thu tiền tạm ứng án phí.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Thái hòa, tỉnh Nghệ An

đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng như tổng đạt các văn bản tố tụng, tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập được để bị đơn bà Nguyễn Thị H biết và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng nhưng bà H vắng mặt suốt quá trình tố tụng không lý do nên không thể ghi lời khai, lấy ý kiến của bà H và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa bà H có mặt và có ý kiến: Bà thừa nhận đã ký kết Hợp đồng mua bán với Công ty A theo hợp đồng mua bán hàng hóa số FE010371-ANA/ANCO/NSH2/2017 vào ngày 21/07/2017 và đã chốt công nợ với Công ty A vào ngày 30/08/2017 với số tiền bà H còn nợ Công ty là 403.466.519đ (Bốn trăm linh ba triệu, bốn trăm sáu sáu nghìn, năm trăm mười chín đồng) đúng như yêu cầu khởi kiện của Công ty, nhưng do việc chăn nuôi thua lỗ, đây cũng là tình trạng chung của cả nước năm 2017, nên mặc dù Công ty A đã yêu cầu bà H trả nợ nhiều lần nhưng bà vẫn chưa có để trả nợ cho Công ty, nên Công ty A khởi kiện bà, nay tại phiên tòa, bà chỉ đồng ý trả nợ cho Công ty A với số tiền là 403.466.519đ (Bốn trăm linh ba triệu, bốn trăm sáu sáu nghìn, năm trăm mười chín đồng) và xin Công ty được trả dần trong hai năm, không đồng ý trả lãi như yêu cầu của Công ty.

Bà H không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa có ý kiến:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS, vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định, nên Tòa án không thể ghi lời khai, lấy ý kiến của bà H và không tiến hành hòa giải được theo quy định. Tại phiên tòa bị đơn có mặt và chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 280, 357, 430, 433, 440 BLDS 2015.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho Công ty TNHH một thành viên A số nợ gốc tiền hàng là 403.466.519đ và tiền lãi do chậm thanh toán phát sinh từ ngày khởi kiện 26/05/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/11/2018 là 30.259.989đ (theo phụ lục hợp đồng hai bên đã ký kết là 15%/năm), tổng cộng cả gốc và lãi là 433.726.508đ (bốn trăm ba mươi ba triệu, bảy trăm hai sáu nghìn, năm trăm linh tám đồng). Buộc bà H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử

nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ an.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa đã tổng đạt các thủ tục tố tụng như Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác cho bà Nguyễn Thị H theo quy định, nhưng bà H không đến Tòa để làm việc nên Tòa án không thể ghi lời khai, lấy ý kiến của bà H và không tiến hành hòa giải được theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ hai bà H có mặt và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Công ty A có bán các mặt hàng thức ăn chăn nuôi do công ty sản xuất nhiều lần cho bà Nguyễn Thị H đúng như hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các bên đã ký kết. Theo thông báo công nợ lập ngày 30/8/2017 giữa công ty A và bà H thì bà H còn nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi của công ty A là 403.466.519đ (bốn trăm linh ba triệu, bốn trăm sáu sáu nghìn, năm trăm mười chín đồng). Bà H là người ký xác nhận đồng ý số nợ trên, theo ý kiến của Công ty A tính đến ngày 26/11/2018, Bà H còn nợ Công ty cả gốc và lãi là 433.726.508đ (bốn trăm ba mươi ba triệu, bảy trăm hai sáu nghìn, năm trăm linh tám đồng)

[4] Quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để bà H biết để thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định, nhưng bà H không có yêu cầu phản tố, không giao nộp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án. Tại phiên tòa, bà H đã đồng ý với ý kiến của nguyên đơn về việc bà H còn nợ nguyên đơn với số tiền là 403.466.519đ (bốn trăm linh ba triệu, bốn trăm sáu sáu nghìn, năm trăm mười chín đồng) nhưng không đồng ý trả lãi như nguyên đơn yêu cầu và xin được trả dần trong vòng hai năm.

[5] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và ý kiến của các đương sự tại phiên tòa thấy yêu cầu thanh toán hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi của nguyên đơn với số tiền là 403.466.519đ (bốn trăm linh ba triệu, bốn trăm sáu sáu nghìn, năm trăm mười chín đồng) đối với bà H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại điều 440 Bộ luật dân sự 2015.

[6] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu bà H phải thanh toán số tiền lãi do chậm thanh toán trên số nợ gốc theo quy định với mức lãi xuất 15% trên năm theo như phụ lục 01- Hạn mức tín dụng mà bà H đã ký kết, kể từ ngày làm đơn khởi kiện 26/05/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/11/2018 với số tiền là 30.259.989đ thấy rằng: Theo phụ lục 01- Hạn mức tín dụng bà H đã ký với Công ty A thì tiền lãi suất thỏa thuận là 15%/năm cho bất kỳ hóa đơn nào đã được giao nhưng chưa thanh toán bắt đầu từ ngày giao hàng cho đến khi thanh toán, do đó cần chấp nhận yêu cầu của Công ty A về việc yêu cầu bà H phải trả lãi.

[7] Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án.

[8] Án phí: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 357; 430; 431; 440; 468 Bộ luật dân sự năm 2015:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm c tiểu mục 1.3, mục 1 phần II Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên A. Buộc bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán hợp đồng mua bán tài sản (Thức ăn chăn nuôi) cho Công ty TNHH một thành viên A với số tiền là: 433.726.508đ (bốn trăm ba mươi ba triệu, bảy trăm hai sáu nghìn, năm trăm linh tám đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 403.466.519đ (bốn trăm linh ba triệu, bốn trăm sáu sáu nghìn, năm trăm mười chín đồng), tiền nợ lãi tính là 30.259.989đ (ba mươi triệu, hai trăm năm chín nghìn, chín trăm tám chín đồng).

2. Án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 21.349.060đ (hai mươi một triệu, ba trăm bốn chín nghìn, không trăm sáu mươi đồng) án phí DSST.

Công ty TNHH một thành viên A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.149.241đ (mười một triệu, một trăm bốn mươi chín nghìn, hai trăm bốn một đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa theo biên lai thu tiền số 0006530 ngày 17/07/2018.

3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- Lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngoan

